

CHƯƠNG THỨ HAI

Tiền sử Lạc Việt

(bài một)

TIỀN SỬ LẠC VIỆT

Theo đuổi công việc nhìn vào những thứ người trong quá khứ đã từng sinh sống trên đất Việt nam, sau khi gặp giồng Mê-la-nê, Anh-đô-nê, da đen v.v... chúng ta chạm trán với một thứ người không còn phải là hoàn toàn thuộc về tiền sử nữa, mà vừa thuộc về tiền sử lại vừa thuộc về lịch sử, đó là người Lạc Việt. Người Lạc Việt chắc chắn không còn cở lỗ như hai thứ người trên. Họ không còn dùng khí cụ trung thạch của nền văn minh Hòa bình, hay là dùng khí cụ tân thạch của nền văn minh Bắc sơn, mà đã bước một bước không lối trên đường tiến bộ, vượt từ thời đại thạch khí đến thời đại đồ đồng với những di tích phong phú để lại ở Đông sơn. Về nền văn minh Đông sơn, các nhà cổ học đã bàn đến nhiều kể từ khi người ta đào được tại đó những khí cụ bằng đồng, nhất là trống đồng, tương tự như những chiếc trống đồng lớn đã gặp về trước. Ngày nay, có lẽ không còn ai hồ nghi nữa về sự chủ nhân của nền văn minh Đông sơn là dân Lạc Việt. Vì thế, sau đây, khi nói đến tiền sử Lạc Việt, chúng tôi sẽ không bàn đến gì khác ngoài sự trình bày nền văn minh đó. Chúng tôi sẽ vạch ra sự kiện về nền văn minh Đông sơn, sẽ tìm hiểu ý nghĩa của nó, và rồi sẽ nói đến chủ nhân của nó trong phần gọi là Lịch

sử Lạc Việt. Ở phần này, chúng tôi vẫn dùng những ảnh sáng đã thâu được nhờ sự nghiên cứu tiên sử, nhưng sẽ đặt trọng tâm vào những sử liệu bút ký có thể gặp được, cõ gỡ cho ra ý nghĩa thực sự của những sử liệu đó, mong thầy rõ được sự thật về một giống người đã làm chủ non sông cổ Việt trong một thời kỳ và đã để lại nhiều dây liên lạc với dân Việt nam chúng ta.

Tiến sử Lạc Việt phần nhiều đặt nền tảng trên sự nghiên cứu trồng đồng.

Trồng đồng đã được lưu ý đến một cách đặc biệt kể từ khi có những cuộc khám phá may mắn năm 1924, tại làng Đông sơn, Thanh hóa, một địa điểm thuộc về lãnh thổ của quận Cửu Chân xưa.

Trước năm đó, người ta đã gặp được đó đây trong vùng Đông nam Á nhiều chiếc trồng đồng lớn và đẹp, mang đầy hình vẽ có tính cách khêu gợi óc tò mò của các nhà bác học. Các vị này đã cõ nhìn kỹ vào các món đồ cõ giá trị đó, đã nghiên cứu cãn thận, đã đặt cho nó một tên, gán cho nó một tuổi, đoán cho nó một ý nghĩa. Nhưng, làm gì thì làm, cảm tưởng của các vị đó với với những trồng đồng gặp được, vẫn không khác gì như đôi với một người lạ mặt đã đánh mặt thề cãn cước, không cõ gì bảo đảm. Vì vậy, khi những ngôi mộ ở Đông sơn mờ với những màu trồng đồng nhỏ, cõ hình ngôi sao, với những lưỡi rìu đồng cõ hình vẽ, với những lưỡi kiếm hay những mảnh vụn của một tấm gương đời Hán, với những đồng tiền thời Vương mãng, các trồng đồng lớn nói trên trở thành như những người đã tìm ra hộ tịch, và đã nói lên cả một nền văn minh của một giống người thuộc căn bản Anh-đô-nê, giống người này vào cuối thời tiến sử đã sông ở vùng

sau này được gọi là Giao chi, Cửu nhân, và ngày nay còn thấy tàn tích ở chỗ núi rừng Việt nam, hoặc đi ra các hải đảo lân cận, như ở Indonesia, chẳng hạn.

SỰ KIỆN VỀ NỀN VĂN MINH ĐÔNG SƠN

1) Việc khám phá di tích.

a) ĐÔNG SƠN

Kể từ năm 1924, một loạt các cuộc khai quật tiên sử đã được thực hiện ở làng Đông sơn, cách tỉnh lỵ Thanh hóa chừng bốn cây số theo đường thẳng về phía bắc, ở phía trên cầu Hàm rồng một ít. Dân làng này tụ họp ở dưới chân đồi và cõ đồng ruộng chạy dài ra mãi đến sông Mã. Từ lâu, trong đám đồng ruộng đó, những khi canh tác, nông dân đã đào gặp những khí cụ bằng đồng và người ta truyền tụng cho nhau là chỗ đó cõ chôn nhiều đồ cõ. Bởi vậy, vào năm nói trên, viên thương chánh Thanh hóa, ông Pajot, một cộng tác viên tỉnh nguyễn của Trường Viễn Đông Bác Cổ đã bắt đầu công việc khai quật. Ông Pajot đã đem ra ánh sáng nhiều đồ vật bằng đồng, như trồng đồng, lưỡi kiếm, đồ gốm, v.v... Ông cũng ghi chú cãn thận các địa điểm đào và những vật gặp được, nhưng những cuộc đào bởi như thế vẫn chưa cõ đủ bảo đảm về phương diện nghiên cứu, nên năm 1935, Trường Viễn Đông Bác Cổ chính thức gửi một phái đoàn đến Thanh hóa để tìm hiểu thêm về vấn đề. Phái đoàn này do ông Olov Jansé cầm đầu và ông Nguyễn Văn Đông làm phụ tá. Sau sáu tháng làm việc, các ông đã gặp được chừng vài trăm khí cụ bằng đồng nữa, làm cho số cõ các vật dụng đào được ở Đông sơn lên đến chừng nghìn chiếc. Các

vật dụng đó nằm trong những hầm mộ không phải xây bằng gạch như nhiều ngôi mộ cổ của người Trung quốc gặp được ở Bắc Việt, mà chỉ là những huyệt đào xuống đất để chôn xác. Vậy, khí cụ của Đông sơn là đồ vật người ta chôn theo người chết có ý cho những người quá cố có đồ dùng trong thế giới bên kia. (1)

b) DỤNG CỤ BẰNG ĐỒNG GẶP ĐƯỢC Ở ĐÔNG SƠN.

Kể ra dụng cụ đào được ở các mộ Đông sơn thuộc về nhiều loại. Ngoài những thứ bằng đồng, người ta còn thấy những thứ bằng sắt, bằng đất sét, bằng đá... Nhưng dụng cụ bằng đồng là nhiều nhất và quan trọng nhất. Tính ra, ông Pajot đã lượm được 489 cái và phái đoàn ông Jansé được 200 cái. Vậy chúng tôi xin nói riêng về loại đồ đồng trước rồi sẽ nói đến các loại khác. Đồ đồng Đông sơn có thể xếp thành năm hạng :

trông đồng
dụng cụ bằng đồng
bình, chậu bằng đồng
đồ trang sức bằng đồng
tượng người bằng đồng.

— Trông đồng

Không kể những miếng vụn, trông đồng xuất xứ từ Đông sơn tính ra có đến bốn chục chiếc, thường thuộc về cỡ nhỏ. Một chiếc thuộc vào hạng lớn nhất mặt đo được 0,33 và cao 0,275. Mặt của trông này có một ngôi sao tám cạnh ở giữa, và chung quanh ngôi sao có hai vành trang trí, một vành bằng vòng tròn có chằm, và vành kia bằng bốn con chim thuộc về loại sếu. Cách trang trí bằng kiểu hình học và chim ở đây có vẻ đơn giản

và kiểu thức hóa khi so với những hình tượng tự ở các trông đồng lớn gặp được về trước, như trông Ngọc lữ, trông Molié. (2) Nhưng nhìn vào, không ai hồ nghi rằng hai trông đều thuộc về cùng một loại. Một chiếc khác, nhỏ hơn (rộng 0,125, 0,1098), lại được trang trí nhiều hơn: Ở giữa mặt trông, ngôi sao đã bị mờ có chừng 20 hay 22 cạnh, chung quanh lại có nhiều vành vẽ theo kiểu hình học và ở hông cũng thế. Trên mặt trông đó còn có bốn con ech nhỏ quay lưng vào nhau. Một chiếc đáng chú ý nữa chỉ cao có 0,104; chiếc này làm như cái đế cho một con vật bốn chân, miệng há to, giống như một con chó đang sủa. Tất cả các trông Đông sơn đều có một thân hình giống như thân hình của các trông lớn.

— Dụng cụ bằng đồng.

Cùng với trông, người ta gặp được lưỡi kiếm đồng rất giống các cổ kiếm Trung quốc đời Hán. Có một chiếc lấy được còn nguyên, chỉ có gáy ở chỗ tay cầm. Kiếm này dài 0,180, rộng 0,045, mũi hơi cùn, lưỡi sắc cả hai bên. Chỗ tay cầm có hai vành nổi và chỗ khâu có chạm tỉ mỉ. Những khí cụ khác gồm có nhiều lưỡi rìu, lưỡi giáo, nhiều kiểu dao găm, và một mũi tên. Về lưỡi rìu, người ta phân biệt được hai thứ, một thứ đều cạnh và một thứ lệch cạnh. Thứ lệch cạnh là thứ đáng lưu ý hơn, vì độ lệch của cạnh rìu có thể biểu lộ tính cách của một bộ lạc sơ cổ: Ở hình vẽ trên các trông đồng lớn (như trông Ngọc lữ, Hoàng hạ), người ta thấy được những lưỡi rìu lệch cạnh như thế. Chỗ quan hệ là trên những lưỡi rìu lệch cạnh của Đông sơn cũng có vẽ hình người in hệt như người được vẽ trên các trông đồng lớn. Lại có những lưỡi rìu lệch cạnh, hai đầu lưỡi cong lên uốn lại thành vòng tròn, và cũng được trang điểm bằng hình người, hình thuyền.

Các lưỡi giáo, lưỡi lao, phần nhiều dài từ 0,225 đến 0,30; cái dài nhất đo được 0,44. Dao găm cũng cái dài cái vắn. Con dao dài nhất là 0,225, lưỡi và tay cầm liền nhau, chỗ khâu đôi khi có một vành nổi, đôi khi không. Ở cán dao thầy có cái lỗ để khâu dây vào mà đeo. Người ta còn lượm được những miếng đồng nhỏ, không rõ đó là lưỡi rìu hay là lưỡi cày.

Rồi có những miếng đồng hoặc hình vuông, hoặc hình chữ nhật, trên có hình vẽ na ná như hình thầy trên mặt trống đồng, lại có lỗ để đeo. Người ta đoán rằng đó là dấu hiệu của các vị tù trưởng. Sau hết, còn có những miếng đồng hình như những chiếc khánh tí hon, trên mặt có vẽ hình xoắn kép, như kiểu thức thường thầy nơi các trống lớn. Ông Jansé cho đó là những miếng đồng treo đằng sau đèn.

— *Chậu, bình.*

Bình đồng gặp được nhiều kiểu khác nhau và nhiều cỡ. Có một bình hình bầu dục, đẹp, đặt trên một cái đế hình chữ nhật, giống như các bình đời Hán. Một bình nữa, lớn hơn, giống hình củ kiệu, có quai để cầm, và được trang trí bằng những vành bao quanh. Vành ở cổ có những lưỡi tam giác sò xuống. Ngoài hai bình vừa nói, người ta có thể xếp các bình khác thành hai loại, một loại hình châu và một loại hình thùng. Loại trước hình thân nón, miệng sò ra, có bờ rộng và có quai, đáy cũng có đế ăn rộng ra ngoài mặt đáy để đặt cho vững. Kiểu thức trang trí là vòng tròn có chằm và có tiếp tuyến. Loại thùng thì hoặc là hình trụ phình ra đôi tí ở phía trên, hoặc là hình chậu nhưng không có bờ sò. Loại này trên miệng cũng có quai, thân cũng được trang trí bằng vòng tròn có chằm với tiếp tuyến hay là bằng những vành

sọc dọc. Có cái lớn, cái bé rất khác nhau, có cái chỉ được ba phần. Phải chăng đó là những thùng đựng vật dụng cho chủ nhân của chúng?

— *Đồ trang điểm và tiền.*

Về tiền, người ta lượm được một mớ, gồm các thứ như tiền Bán lương, tiền Ngũ châu, và nhất là tiền Vương mãng. Sự hiện diện của tiền Vương mãng giữa các di tích Đông sơn đã giúp một cách hữu hiệu vào việc định tuổi cho nền văn minh đó. Ai cũng biết rằng thời Vương mãng đã xen vào giữa nhà Tây Hán và nhà Đông Hán và đã cai trị Trung quốc vào quãng từ năm 9 đến năm 23.

Trong các đồ trang điểm, người ta nhận được những chiếc khung bằng đồng, những chiếc bông tai thuộc nhiều kiểu, những chiếc xuyên tròng ruột, đầu mút có thể luồn vào nhau và có lỗ để chốt lại. Ở xuyên đôi khi còn có đeo vào những chiếc đục đặc nhỏ. Đục đặc như thế, người ta cũng thấy được nơi những khóa dây lưng bằng đồng của Đông sơn. Khóa này gồm hai phần đầu lại với nhau, có móc để giữ. Ngoài sự được trang điểm bằng đục đặc như vừa nói, khóa dây lưng còn mang những kiểu thức Đông sơn như vòng tròn có chằm và có tiếp tuyến.

Thuộc về loại này, còn có những miếng của một tấm gương đồng giống hệt như những tấm gương đời Hán. Gương hình tròn, được trang trí hết sức đẹp, giữa lại có một khung vuông, mỗi cạnh của khung có để ba chữ Hán viết theo lối chữ triện.

— *Tượng người.*

Đồ đồng Đông sơn còn gồm một số tượng người linh động và phức tạp. Đáng kể hơn cả là tượng hai người công nhau. Tượng này cao chỉ có 0, m 088, nhưng nơi tâm vóc nhỏ bé đó, nó để lộ ra nhiều chi tiết ý nghĩa. Nhìn kỹ vào tượng, chúng ta thấy nó đang diễn lại một cuộc múa hát. Bộ điệu của người công cho biết rằng anh ta đang ở trong thời gian hoạt động mạnh. Chắc chắn là anh ta, cũng như người được công, đều đeo mặt nạ. Người được công thì đang thổi kèn. Đầu anh này có tóc dài, gióc lại, đầu mút bất công lên thành vòng tròn. Đó là đầu anh ta không thuộc về giòng người «tiên phát» như nhiều giòng dân Việt ở vùng Ngũ linh thừa xưa.

Tượng thứ hai là cán của một con dao găm đã bị gãy lưỡi. Tượng người ở đây dài 0, m 11. Người này đang đứng, mình ở trần, chỉ vẫn có một chiếc khố tua, hai tay chông nạnh thành hai vòng tròn. Ở tay có một chỗ trướng ra cho biết rằng người đó có đeo xuyến. Hai tai đeo hai chiếc bông hình tròn. Đầu buộc một vòng khăn, tóc gióc, thông xuống sau lưng cho đến hết vai. Cách thợ hình dung hai con mắt và vú thật là kiểu thức hóa. Hai con mắt là hai vòng tròn có chàm, và hai vú là hai vòng tròn chạm nhau.

Sau hết, một vật mang hình người nữa đó là một chiếc đèn đầu cao 0, m 105. Ở vôi dài của chiếc đèn đó người thầy có ba người. Chính cái vôi cũng được hình dung theo kiểu đầu chim mang một cặp mắt lồi. Ngay phía trên mắt là một người đứng, chân trần, tay chấp dâng trước ngực, mặt quay về đằng mút vôi, không thấy rõ nét. Trên đầu, tóc búi ra đằng sau thành một búi to lớn, khăn buộc có hai múi thông xuống ở lưng.

Hai người kia đứng ở quãng giữa người vừa nói và bình đèn, và cũng có một bộ điệu như người đó.

c) CAC THỨ VẬT DỤNG KHÁC GẶP ĐƯỢC Ở ĐÔNG SƠN.

— *Đồ sắt.*

Đồ sắt gặp được ở Đông sơn rất ít, chỉ là những mũi giáo, mũi tên, vài lưỡi kiếm, và những mảnh của một lưỡi kiếm khác. Rất khó khảo sát những di tích đó vì đã bị sét ăn nhiều, chỉ còn lưỡi kiếm, dài 0, m 645, rộng 0, m 035, là có thể nhận được, và nó giống như các lưỡi kiếm đời Hán. Một hiện tượng nên chú ý cách riêng là có một lưỡi kiếm bằng sắt mà cán nó bằng đồng, và một mũi sắt nhọn được giữ trong một bao bằng đồng. Như thế nghĩa là bây giờ sắt là một kim loại rất quý.

— *Đồ gốm.*

Đồ gốm thì nhiều và có nhiều kiểu cũng như nhiều cỡ khác nhau. Rất ít gặp những đồ làm bằng bàn xoay, hoặc có men. Hầu hết đồ gốm Đông sơn là nắn bằng tay. Người ta thấy những chính cao đèn 0, m 225, những vò bé cao 0, m 18, mặt ngoài trang trí bằng kiểu «giả đan». Có lẽ khi đất còn ướt, thợ gốm đã làm đồ đan áp vào để làm cho đồ gốm nhìn như đồ đan. Người ta còn thấy những cái nôi cao lồi 0, m 13, những cái chậu miệng soè, để soè giòng như chậu đồng. Lại có những chiếc bình thấp đèn (cao 0, m 08) và những chiếc đĩa đèn. Về cách trang trí thì ngoài cách «giả đan» như đã thấy trên, người ta gặp những kiểu thức đã quen, như vòng tròn có chàm

và có tiếp tuyến, đường xoắn v.v... Chúng ta có thể ngạc nhiên khi thấy thợ gốm Đông sơn nghèo nàn về nghệ thuật hơn thợ đồng, và thô lỗ hơn. Có lẽ hai ngành không liên lạc gì với nhau nên không học được tài nghệ của nhau.

— Đồ đá.

Đồ đá ở Đông sơn phải chia ra làm hai loại rất khác nhau. Loại thứ nhất gồm rất nhiều dụng cụ bằng đá rất thô sơ không khác gì những đồ đá thuộc thời chelléen ở Âu, hay là những lưỡi đá đã được mài sắc để dùng giồng như những lưỡi đá ở Bắc sơn. Sự hiện diện của đồ đá vè loại này trong các mộ Đông sơn đã khiến cho nhiều nhà cổ học suy nghĩ. Có kẻ cho rằng đó chỉ là những vật dùng để cúng, nhưng có người lại đoán là dân Đông sơn trước đó còn ở vào trình độ thạch khí, rồi bỗng một ảnh hưởng ngoại lai lan đến làm cho họ thực hiện được một bước tiến nhanh.

Loại đồ đá thứ hai chính là những vòng đá ngọc rất đẹp dùng để làm bông tai. Ở Đông sơn đã gặp được nhiều vòng như thế, và nó cho phép chúng ta nghĩ rằng những người được hình dung trong những tượng đồng tá trên với những vòng lớn ở tai đều cũng mang những bông tai vào loại đá ngọc đó.

2) Mức quan trọng của việc khám phá di tích tại Đông sơn.

a) NHỮNG TIẾT LỘ CỦA VIỆC KHÁM PHÁ.

Tự nó sự khám phá trạm tiền sử Đông sơn đã có một tính cách quan trọng. Với những khi

cụ, như vừa lược kể trên đây, khoa cổ học Việt nam đã biết thêm được rất nhiều điều. Sau cuộc khám phá Đông sơn, không còn ai chời cái được rằng, trong thế kỷ thứ nhất, thầy dân Cửu chân đã có một nền văn minh khá cao. Nền văn minh này ở tại sự đã có đồ đồng để dùng, và đồ đồng đó tỏ ra rất tinh xảo. Chẳng những họ đã biết đúc đồng, để làm nhiều thứ dụng cụ, mà họ còn biết tô điểm bằng những hình vẽ linh động, như hình người, hình vật, hoặc bằng những kiểu thức hình học. Nền văn minh đó, còn ở tại sự biết dùng những đồ quý từ Trung quốc đem sang như gương, kiếm, tiền, v.v...

Về phương diện tinh thần, nó cho biết dân Cửu chân bấy giờ rất trọng người chết, tin ở sự linh hồn bất diệt, và tỏ ra rất hiếu nghĩa. Nhưng các đồ vật đủ thứ gặp được ở trong mộ cũng nêu lên điều này là dân đó nghĩ rằng người chết vẫn còn bị vào vòng những nhu cầu vật chất như người còn sống, nên phải chôn vào mộ những dụng cụ cần thiết.

Về phương diện xã hội, người ta nhận thấy dân Cửu chân chưa biết mặc áo quần, chỉ mới biết đóng khố. Những tượng người bằng đồng kia làm chứng điều đó. Một chỗ nữa cũng nhờ khám phá Đông sơn mà biết rõ, đó là dân Cửu chân có tục để tóc dài, gióc lại, bôi thành búi tóc.

b) KHÁM PHÁ ĐÔNG SƠN LÀ CHIA KHÓA ĐỂ HIỂU CÁC TRÔNG ĐỒNG LỚN.

Nhưng sự quan trọng thật của khám phá Đông sơn là nó đem «hộ tịch» lại cho các trông đồng lớn. Từ lâu, các trông đồng lớn đã gây nên nhiều nghi vấn. Các nhà bác học học thức mà không phải chỉ vì sự gặp được trông đồng đó đây

trong vùng Đông Nam Á, mà chính là vì những hình vẽ rất tinh tế, rất linh động, vừa ở mặt trồng, vừa ở hông trồng, nó tả nhiều cảnh của đời sống con người. Người ta biết rằng những hình vẽ đó chứa đầy ý nghĩa, nhưng nó càng tỏ ra có ý nghĩa bao nhiêu, các nhà bác học càng nóng lòng bấy nhiêu trong việc tìm cho biết ý nghĩa đó chỉ về ai và về thời nào. Bởi vậy, khi khám phá được các di vật ở Đông sơn và thầy rỏ liên lạc văn hóa giữa dụng cụ gập được tại đây với các trồng đồng lớn, người ta như đã tìm thấy chìa khóa của một nền văn minh mới, nền văn minh mà từ đó người ta mệnh danh là văn minh Đông sơn. Một khi đã biết được các trồng đồng lớn thuộc về ai và ở thời nào rồi, người ta không chỉ còn biết có những điều mà chính sự khám phá các di vật Đông sơn cho biết, như chúng tôi vừa bàn qua ở đoạn trước đây, mà thôi, mà người ta còn có thể có một quan niệm rõ ràng hơn nhiều về chính chủ nhân của nền văn minh, về trình độ của nó, và về sự quan trọng của nó đối với lịch sử Việt nam. Sau đây, trước khi đi xa hơn, chúng tôi xin lược qua lịch sử của các trồng đồng lớn.

3) Các trồng đồng lớn khác.

Kể từ 1883, nhà cổ học F. Heger đã chú ý đến văn đề trồng đồng. Sau khi đã nghiên cứu 165 chiếc trồng, ông đã đem trình bày công việc của ông tại Hà nội dưới nhan đề *Alte Metallnomeln aus Südost — Asien* (3) trong cuộc Hội thảo Quốc tế thứ nhất về các văn đề Viễn đông do trường Viễn đông Bác cổ tổ chức vào cuối năm 1902. Trong tác phẩm đó, Heger đã xếp các trồng đồng làm bốn loại. Đầu năm 1918, H. Parmentier lại viết về trồng

đồng và cũng giữ một cách sắp xếp như Heger, nhưng tổng số trồng được nghiên cứu lên đến 188 chiếc. Năm 1932, Parmentier còn quay lại lần nữa với văn đề trồng đồng, và bây giờ, nếu cộng cả hai chục chiếc trồng nhỏ của ông Pajot đào được ở Đông sơn nữa, tổng số có đến 250 chiếc.

a) XẾP LOẠI

Cứ như cách xếp loại của Heger và Parmentier, (4) thì mỗi loại có những đặc điểm như sau :

Loại I. Đây là loại những trồng đồng xưa hơn và lớn hơn, và có lẽ loại mẫu cho các loại khác. Về loại này, người ta có thể nhận được hai kiểu. Trong kiểu trước, trồng chia làm ba phần rõ rệt chấp lại với nhau và gắn đều nhau. Phần giữa là một hình trụ đứng. Phần trên thì phình ra rồi thu lại theo kiểu vòng cung để tiếp giáp với mặt trồng, đường kính của mặt trồng thường rộng hơn đường kính của hình trụ của phần giữa. Ở chỗ nối phần trên với phần giữa, người ta thấy được đường góc rõ rệt. Phần dưới là một phần có hình thân nón. Kiểu kia, chỉ có điều này đáng lưu ý, là chỗ tiếp giáp phần trên với giữa không làm thành một góc, mà trái lại, nó đi theo một đường chuỗi giồng như hình chữ S cho xuống đến phần dưới. Cả hai kiểu của loại I đều có quai, quai này một đầu dính vào phần trên, một đầu dính vào phần giữa. Mặt trồng và thân trồng được tô điểm nhiều vành trang trí, như sẽ tả tỉ mỉ hơn về sau, nhưng ở đây nên nhớ rằng trồng loại một, ở trên mặt, đôi khi có những con ếch đồng ngồi, phần nhiều được sắp trở mặt theo hướng ngược với kim đồng hồ. Các trồng về loại này thấy được ở vùng Nam hoa, Bắc việt và ngoài hải đảo vùng Indonésia.

Loại II. Mặt trồng của loại này bao giờ cũng rộng hơn thùng trồng, và nhiều vành trang trí

hơn mặt trông của loại I, và ngôi sao ở giữa thường ít cạnh hơn. Ở vành trang trí ngoài hết, bao giờ cũng có bốn hoặc sáu con ếch nhỏ ngồi. Các hình vẽ thường có tính cách kiểu thức hóa hơn, quai trông cũng nhỏ hơn. Loại này gặp được ở vùng Nam hoa và Bắc Việt như loại trên.

Loại III. Loại này giống loại hai ở nhiều điểm; như mặt trông rộng, được trang trí nhiều, trên mặt có ếch. Nhưng nó khác loại trước ở chỗ ếch đây, thường hai ba con, đôi khi bốn con, chống nhau. Nó còn khác nữa ở chỗ phần hai và phần ba của thùng trông dường như chỉ là một hình trụ, đôi khi dưới đáy chỉ sò ra tí chút mà thôi. Quai của loại này cũng nhỏ. Nơi đường hàn của thùng trông (vì trông thường được hàn lại bởi nhiều miếng), thường có trang trí bằng những hình loài vật nổi như voi chằng hạn. Loại trông này gặp được trong các bộ lạc Karens của dân Miền điện.

Loại IV. Loại này lầy lại hình của loại I, đôi khi có biên chẻ ít nhiều. Điều riêng biệt của nó là người ta có thể nhận được nhiều yều tò Trung hoa xen lẫn vào, ví dụ giữa các cạnh của ngôi sao trên mặt trông thường có ghi tên mười hai chi, ghi bằng chữ Hán hay bằng hình loài vật tượng trưng, vì vậy ngôi sao bao giờ cũng chỉ có 12 cạnh. Trông thường kết thành bốn miếng theo chiều đứng. Trên mặt trông không bao giờ có ếch. Loại này gặp được ở vùng Vân nam. (5)

b) LAI LỊCH MỘT SỐ TRÔNG ĐỔNG LỚN.

Sau đây xin nói qua về lịch sử một số những trông đổng lớn, có tính cách xưa hơn, và chưa đựng nhiều mách bảo hơn.

— Trước năm 1889, một tù trưởng Mường gặp được ở vùng sông Đáy một cỗ trông đẹp. Ông đem dâng cho phó sứ Moulié và ông này đem

trình bày tại Hội chợ Quốc tế ở Paris. Sau dịp đó, trông bị mất tích. Về trông đó, nay chỉ biết được qua những bài mô tả của F. Heger và hình ảnh do ông ta vẽ lại. Trông đó thường gọi là trông Moulié.

— Năm 1903, Trường Viễn đông Bác Cổ Hà Nội nhận được một chiếc trông đổng rất đẹp do chùa Ngọc lữ ở Hà Nam đem đến, vì đó người ta đặt cho nó tên là trông Ngọc lữ. Không ai biết là trông đó trước thuộc về người nào hay là gặp được ở đâu. Trông này đường kính là 0,86 và chiều cao là 0,63.

— Cũng vào đầu thế kỷ 20, nhà thầu thép đó có Gillet ở Hà Nội có một chiếc trông đổng lớn, về sau ông đã đem nhường lại cho viện Bảo tàng Vienna, nên nay gọi trông đó là trông Vienna.

— Năm 1937, dân làng Hoàng hạ, thuộc tỉnh Hà đông, khi đào kênh, đã gặp một trông đổng lớn, chôn sâu dưới đất chừng 1,50. Không lâu sau, trông đó đã thuộc quyền sở hữu của Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội. Đó là trông Hoàng hạ, với đường kính 0,84 và chiều cao 0,515. (6)

Đó là những trông thuộc về loại I danh tiếng phát tích từ đất Việt nam. Đất Lào cũng cung cấp một số trông đổng lớn về loại đó. Chúng ta có thể kể trông Nelson và trông Bosc. Về trông Nelson không rõ nó xuất xứ từ đâu nhưng nó thuộc về ông Nelson (trước đây ở Paksé) nên gọi thế. Trông này có lẽ là trông lớn nhất, đường kính đến 1,10 và cao 0,63. Trông Bosc, cũng gọi thế vì đã do ông Thông sứ Pháp ở Lào tên là Bosc giao cho Trường Viễn Đông Bác Cổ. Trông này gặp được trong một chỗ ruộng ở Oubon, đường kính là 0,865 và cao 0,58. Những trông khác gặp được ở Lào đại khái giống như hai trông vừa nói.

Cổ Viện Nam vang có chứa một số trống đồng tìm được ngay tại Cambodge. Một chiếc chỉ còn có mặt trên mà thôi đã lấy được ở làng Thnom Mong Rusei, thuộc tỉnh Battambang. Một chiếc trống khác lấy được ở làng Tos Tak, thuộc tỉnh Kompon Chnang. Cả hai chiếc đều thuộc về loại I. Chiếc trống Battambang đường kính là 0,64, ngôi sao có 12 cạnh, còn chiếc Kompon Chnang đường kính 0,67 và chiều cao 0,35. Chiếc này được trang trí mỹ thuật hơn chiếc kia, nhưng ngôi sao có 10 cạnh.

Cổ Viện Vọng các cũng có chừng mười chiếc trống đồng, trong số đó có năm chiếc thuộc về loại I. Trong năm chiếc này, một chiếc gặp được ở Oubon, và bốn chiếc kia là do trạm tiến sử Tung Yang. Một điều đáng chú ý là trên chiếc trống thuộc loại một, đặt thứ hai, kẻ từ ngoài đi vào, người ta thấy bốn con ốc bươu thay vì êch. Một chiếc khác, thuộc loại hai, có một đoàn ba con voi đang đi trên đi xuống theo đường hàn, con trên lớn rồi đến hai con kia nhỏ xuống dần dần. Ở Viện Bảo tàng Huế cũng có một trống đồng có voi giồng như thế.

Tại Indonésia trống đồng đã được biết lâu năm rồi. Năm 1861, người ta báo cáo cho chính phủ biết là gặp được một trống ở đảo Saleier, ở về phía tây nam Célèbes. Sau đó lần lượt các đảo Luang, Retri, Letti, và nhiều chỗ nữa đều thấy có. Vào năm 1881, số trống đã nhiều và người ta đã xếp lại dưới nhãn hiệu là «trống nói» (Kettletrommeln). Các nhà cổ học như A. B. Meyner, H. P. Foy và Franz Herger đã dùng đề nghiên cứu.

4) Hình vẽ trên trống đồng.

Nếu các ngôi mộ Đông sơn và các nơi gặp được trống đồng là cần phải chú ý, thì người ta càng

phải quan tâm hơn biết bao vào những bình vẽ trên trống, vì chính những bình vẽ đó đã nói to lên giá trị của nền văn minh Đông sơn. Cũng vì hiểu rõ vai trò của các bình vẽ như vậy, nên khi nghiên cứu về trống đồng, các ông Franz Herger, Henri Parmentier, Victor Goloubew, (7) đã tỉ mỉ tả các bình vẽ. Ở đây, trước khi, và để có thể, làm sáng tỏ ý nghĩa của nền văn minh Đông sơn, chúng tôi xin lần lượt nói đến các bình vẽ thầy được trên mặt và ở thân các trống đồng lớn.

a) HÌNH VẼ TRÊN MẶT TRỐNG ĐỒNG.

Một trống đồng là chỗ được người thợ (Đông sơn) tô điểm một cách đặc biệt nhất. Nếu bắt đầu từ trung tâm trước rồi dần dần ra đến bờ, thì đầu hết, ngay ở chính giữa mặt trống, chúng ta thấy ngự trị một ngôi sao nhiều cạnh, rồi đến những vành trang trí, hoặc bằng những kiểu thức hình học, hoặc bằng hình người, hình cầm thú. Ở vành ngoài hết, như đã nói trên, đôi khi lại còn có những con vật nổi gán vào. Nhìn kỹ mặt trống, người ta nhận được cả một công trình sáng tác tinh vi đi đôi với một nghệ thuật lao luyện. Chẳng những thế, những kiểu thức trang trí kia, vừa có thể cho biết trình độ tiến hóa của nền văn minh Đông sơn, vừa nêu lên những dây liên lạc có thể có với các nền văn minh khác. Ngoài ra, nó còn diễn lại một cách rất linh động những chi tiết rất hững thú và đầy ý nghĩa về cách sinh hoạt xã hội và tôn giáo của người thời bấy giờ, mở đường cho các nhà bác học khảo sát phong tục và đời chiếu dân tộc học.

Dưới đây, khi tả các hình vẽ trên mặt trống, chúng tôi xin lấy trống Ngọc lữ làm căn bản, (8) rồi thêm vào, hoặc so sánh với những nét đặc biệt gặp được nơi các trống danh tiếng khác. Tổng quát

mà nói, thì trồng Ngọc lũ có một ngôi sao ở giữa và năm vành trang trí. Vành thứ nhất và thứ năm là những vành được trang trí hoàn toàn bằng kiểu thức hình học, còn các vành hai, ba, bốn, lại gồm hình người (ngồi, đứng, làm việc, đủ cách) và hình cầm thú. Các trồng Hoàng hạ, Bosc, đều có năm vành trang trí. Trồng Đông sơn, có lẽ vì nhỏ, chỉ có ba vành mà thôi, hai vành hoàn toàn kiểu thức hình học và một vành là bốn con chim được kiểu thức hóa. Chúng tôi xin trình bày lần lượt.

— Ngôi sao.

Trên mặt trồng Ngọc lũ, ngôi sao ở giữa có 14 cạnh. Trồng Hoàng hạ có 16 cạnh, các trồng Nelson, Bosc, Vienna, Battambang, có 12 cạnh. Trồng Đông sơn, thì có chiếc chỉ có 8 cạnh, mà có chiếc lại có đến 20 hay 22 cạnh. Đầu mút các cạnh của ngôi sao, có chạy qua một vòng tròn, khiến cho quãng giữa các cạnh thành những hình tam giác. Những tam giác này được trang trí bằng một kiểu thức mà nhìn qua người ta tưởng là những miếng lông công, vì hai bên có đường giống như thớ lông và ở giữa có con mắt. Các trồng đồng lớn đều có kiểu thức đó, nhưng ở trồng Đông sơn lại không có con mắt ở giữa, bởi đó, có thể đoán rằng, trang trí như vậy chỉ là để hình dung những tia sáng của ngôi sao tỏa ra.

— Vành trang trí thứ nhất.

Vành này gồm ba kiểu thức chính ở giữa, rồi hai kiểu thức phụ lặp lại ở hai bên. Kiểu thức giữa là những chữ S gãy, có đường viền, đặt nối tiếp nhau. Tiếp hai bên kiểu đó, đến kiểu vòng tròn có chằm và có tiếp tuyến nối chéo hai vòng tròn lại rồi đến kiểu chằm, chằm, giữa hai đường dài. Trên trồng Đông sơn, vành nhất này chỉ có

kiểu vòng tròn có chằm và có tiếp tuyến chéo, nhưng tiếp tuyến không phải đơn, mà lại kép.

— Vành hai.

Trong các vành trang trí, thì vành hai sắp tả đây được kể là quan trọng hơn cả. Vành này chẳng những rộng, mà nó gồm tất cả năm cảnh xã hội rất linh động, lặp lại hai lần, làm cho mỗi lần như vậy là chiếm phần nửa vòng tròn. Vì những cảnh sinh hoạt của nó, nên chúng tôi gọi nửa dưới của vành là nửa A và nửa trên là nửa B, cùng mô tả bắt đầu từ cảnh có đoàn người ra đi, dùng làm cảnh một, rồi sẽ đến cảnh sau theo chiều ngược với kim đồng hồ.

Ở cảnh một, nửa A có sáu người, nửa B có bảy. Cả đoàn người đó bận y phục giống nhau, chỉ trừ người thứ nhất cả nửa B, vì người này đầu không đội mũ. Các người khác hình như vẫn khò bằng lông chim, đội mũ lông chim. Khò của họ gồm hai phần, một phần che đằng trước, một phần che đằng sau, và cả hai phần đang bay lên theo điệu đi hăng hái của họ. Mũ họ là những lông chim dài kết lại, một phần đứng thẳng, một phần sà về đằng sau. Trong đoàn họ, có kẻ thổi kèn, thứ kèn dài giống như kèn người Mọi, những kẻ khác thì cầm một cái gì nơi tay, có lẽ là khí giới của họ. Những người này, như đã nhắc đến trên, rất giống những người thầy được trên lưới riu lệch cạnh của Đông sơn. Ở nửa A, người thứ sáu, tức là người dẫn đoàn, đang cầm cái gì nơi tay giống như lá cờ dài, mà phía dưới cán là một mũi nhọn có chia như mũi lao. Có kẻ cho đó là cái thuẫn. Ở trồng Hoàng hạ, sáu người thì năm cầm một cái giống như thế.

Cảnh hai là một ngôi nhà sàn trang trí bằng một thứ gì giống lồng chim. Nóc nhà hai đầu quít xuống rồi có hai cột trụ nhỏ lên. Trong nhà ở nửa A, thấy rõ hình một người hai tay đang đánh những cái chiêng treo hai bên. Ở nửa B, con người đó hình như đang cầm chiêng mà đánh. Chân của hai cột trụ nhà sàn được hình dung theo kiểu chân một người đứng soè ra. Ở trong Hoàng hạ, trong vòng sinh hoạt này, hai ngôi nhà của hai nửa vành, thì một ngôi giống như của trong Ngọc lữ, còn một ngôi lại có hai con chim đậu trên nóc, quay mặt vào nhau.

Cảnh ba gồm có ba người, tất cả đều không có mũ lông. Người thứ nhất cầm một cái gì giống như cái máy bán đá. Trên đầu người đó có một con chim đầu to mõ quặp đang bay. Hai người thì đang giả gạo. Ở y phục của những người này xem ra không giống nhau. Người bán chim và người giả gạo gần đó xem ra mặc một thứ khố gồm hai phần như những người của cảnh một, nhưng vắn hơn. Đầu vậy hai phần khố cũng bay soè lên. Còn người kia cũng giả gạo không khác gì, vậy mà không thấy gì soè lên cả? Hay là đó chỉ là người còn trẻ chưa mặc quần áo chằng? Ở nửa A, trong hai người giả gạo, con người bận khố lại để tóc dài. Họ đang cầm chày đâm vào cối. Chày của họ, đầu trên có trang điểm bằng lông chim trông giống như lá cờ. Cối của họ không khác gì hình của những chiếc chày bờ soè, để soè, gập được ở Đông sơn. Ở trong Hoàng hạ, cảnh này chỉ có hai người, cả hai đều để tóc dài, đều bận khố, đều cầm chày đâm vào cối, nhưng chày họ không có buộc lông chim. Trái lại, trên đầu họ có hai con chim đang bay, chim này cũng thuộc về một thứ như con ở trên đầu người bận đá ở trong Ngọc lữ. Một điều lạ nữa là

gắn dưới chân một người có một vật gì giống hình con gà.

Cảnh bốn là một nhà kiểu khác hẳn với ngôi nhà ở cảnh hai. Ở đây mái nhà cong lên thành hai đầu chim. Trên nóc nhà, ở nửa A, có hai con chim, một con to, một con nhỏ, đầu quay đuôi vào nhau, đầu nhìn vào hai mút nóc nhà. Ở nửa B, chỉ có một con chim đầu quay đầu về phía trước. Mái nhà có hai đường hói có tua rủ xuống, hình như là mái tranh, hay là được tô điểm bằng lông chim. Giữa nhà, trên sàn, thấy hai người ngồi đối diện nhau (ở nửa A không được rõ, nửa B rõ hơn), cầm một vật gì không nhận được. Hai bên hói, dưới đất, thì một bên có một vật gì giống cái cối hoặc cái trống, bên kia là một người ngồi. Ở trong Hoàng hạ, một bên hói nhà, không phải chỉ có một người ngồi như vừa tả, mà còn đánh vào một vật gì đặt trên một cái trụ, có lẽ là một chiếc trống đồng. Ở hình thuyền, trên thân trống, ngay ở giữa thuyền, cũng nhận thấy có một cột trụ và trên đó có một vật gì giống như trong trường hợp đang tả tại đây.

Cảnh năm là một cái sân, có thể đoán được là sân của ngôi nhà sàn vừa tả. Ở nửa A, trên sân có một người đứng và ba người ngồi. Người đứng đang cầm một que dài chông xuống sàn, bộ điệu giống như một trong hai người giả gạo ở cảnh ba, người ngồi cũng cầm que dài chông xuống sàn như vậy. Ở nửa B, cả bốn người đều ngồi cầm que chông xuống sàn. Dưới sàn có bốn vật gì hình giống trống đồng được kê trên những cái trụ cao. Trên những vật đó có những chiếc khăn phủ mái đèn đất. Có người, như Goloubew, cho đó thực sự là những chiếc trống đồng, lại có kẻ khác, như Parmentier, nghi rằng đó chỉ là chiếc

bỏ đàn dê trừ lúa. Ở tròng Hoàng hạ, cả bốn người cũng đều ngồi, đều cầm que dài chông xuống sàn. Có điều này nên chú ý là ở đây cả bốn người đều có tóc dài, còn ở tròng Ngọc lữ. Ở nữa A cũng như ở nữa B, chỉ có một người để tóc dài mà thôi. Lại ở tròng Hoàng hạ, những vật đặt dưới sàn không có trụ kê, và không có khăn phủ.

Cảnh sinh hoạt này chẳng những thấy được ở các tròng Ngọc lữ và tròng Hoàng hạ, mà còn thấy ở tròng Vienna, tròng Moulié. Một điều nên nhớ là thứ tự các cảnh xem ra không cần thiết, và các cảnh cũng có tròng không đủ cả năm. Ở tròng Moulié, chẳng hạn, hai nửa của vành sinh hoạt đã xếp đặt không giống nhau rồi. Dưới đây, xin kê thứ tự các cảnh ở bốn tròng vừa nói.

Ngọc lữ	Hoàng hạ	Vienna	Moulié	
Nửa A và B	Cả hai nửa	Cả hai nửa	Nửa một	Nửa hai
1	1	1	1	1
2	2	2	2	2
3	3	—	—	—
—	—	1	1	1
4	4	4	5	5
5	5	5	4	4
—	—	—	—	3

Theo đó, chúng ta còn có thể ghi nhận rằng tròng Moulié không phải chỉ có xáo trộn thứ tự ở hai nửa của vành văn hóa mà thôi, mà số cách cảnh ở hai nửa cũng không giống nhau.

Một ghi nhận khác: Vành sinh hoạt như vừa tả trên đây, không có trong tròng Bosc. Thay vì những cảnh người đi có vẽ xông pha, thay vì nhà sàn, v.v... trên tròng Bosc, ở vành trang trí thứ hai người ta thấy 10 con vật hình thù giống như 10 con thằn lằn, với bốn chân rõ rệt, với đuôi dài,

nhưng con lớn, con vừa, con bé khác nhau. Ở đây 10 con vật đó được vẽ theo kiểu nhìn từ trên xuống, còn ở hông tròng, chắc chắn là những con như vậy, mà được vẽ theo kiểu nhìn ngang. Phải chăng đó là những con cá sấu, nó có thể hóa thành rồng sau này? Cũng không nên quên là 10 con vật lạ lùng đó, nó không khác gì với những con gặp được ở lưới riu lệch cạnh của Đông sơn, trên vành hai, cứ hai con quay đầu lại với nhau, và như thế làm thành năm cặp.

Vành ba.

Vành ba được phân biệt ra khỏi vành sinh hoạt bởi một đường trang trí vẽ theo kiểu vòng tròn có chằm và có tiếp tuyến chéo. Giữa vành ba và vành bốn cũng một đường trang trí kiểu đó. Vành ba này được trang trí bằng hình hai thứ loài vật là chim và hươu. Nếu so với vành trước mà đem, thì ngay ở dưới chỗ khi sự nữa B của vành sinh hoạt mà đi, người ta sẽ đếm được sáu con chim, rồi đến mười con hươu, rồi lại tám con chim, rồi lại mười con hươu. Chim đây cũng thuộc về một giống như thứ đã thấy ở vành hai, được hình dung đang bay về cùng một chiều như chiều của vành hai. Hươu cũng tiến theo hướng đó, tất cả đều có sừng dài và đều có vẻ hăng hái. Ở tròng Hoàng hạ, ở tròng Bosc, vành này được trang trí theo kiểu hình học, hai tròng cùng dùng một kiểu, nhưng ở tròng Bosc hình lớn hơn ở tròng Hoàng hạ.

Vành bốn.

Được vẽ bằng toàn chim quay một hướng như ở vành trên, vành bốn này không phải là không có những chỗ đặc sắc của nó. Trước hết, chim đây có thứ bay thứ đậu. Thứ bay, tức là thứ lớn,

gồm tất cả là 18 con. Thứ này không phải cùng một giống như chim ở vành hai hay vành ba. Ở hai vành trước, chim thuộc về loại mỏ to mà quặp, còn ở đây mỏ lại dài và chân cũng dài, giống như loại sều. Chim ở trên mặt trồng Đông sơn là thuộc loại đó. Thứ chim đậu, rõ ràng là những chim con, cũng gồm tất cả mười tám con, đứng xen vào giữa chim lớn. Thứ đậu thầy được là thuộc về hai loại, một loại mỏ quặp, tất cả có ba con. Chắc chắn là cùng một loại như các chim ở vành hai và vành ba, và một loại mỏ thẳng, tức là mười lăm con còn lại, là những chim con của loại chim bay của vành bốn. Ở trồng Hoàng hạ, vành này tất cả có 14 con chim bay thuộc về cùng một loại chân cao, mỏ dài như chim của trồng Ngọc lữ, nhưng không có chim con. Ở trồng Bosc, trong vành bốn chim cũng bay, tất cả đến ba chục con. Nhưng nếu những con chim bay ở các trồng Ngọc lữ và Hoàng hạ đã kiểu thức hóa quá nhiều, thì chim ở trồng Bosc vẫn còn giữ được vẻ tự nhiên của nó. Đây, không còn ai hồ nghi rằng bảy chim bay vòng quanh đó là một bảy sều hay là cò.

Vành năm.

Đây là một vòng trang trí hoàn toàn bằng kiểu thức hình học gồm ba kiểu lặp lại đối nhau. Vòng trong hết và ngoài hết của vành này được kết bằng những chằm kề tiếp nhau. Vòng trong đó là thuộc kiểu răng cưa có chằm giữa tam giác phía ngoài. Vòng giữa thì làm bằng những vòng tròn (không có chằm giữa) và có tiếp tuyến chéo. Vành bốn, trồng Hoàng hạ giống như trồng Ngọc lữ, chỉ khác có một chỗ, là ở vòng giữa, giữa vòng tròn, có thêm cái chằm.

b) HÌNH VẼ TRÊN THÂN TRỒNG

Thân trồng cũng có những hình vẽ đáng chú ý không kém gì hình vẽ ở mặt trồng. Nếu ngôi sao giữa mặt trồng, hay vành sinh hoạt chứa chất nhiều ý nghĩa, thì những hình thuyền mà người thợ «Đông sơn» đã dùng để tô điểm phần trên của thùng trồng cũng có thể cho nhà cổ học biết rất nhiều điều.

Thật thế, phần trên của thùng trồng, ở chỗ vòm ra, người ta thấy được sáu cảnh thuyền có người điều khiển và được trang điểm lộng lẫy. Giữa những cảnh thuyền như thế lại còn thấy có hình chim lớn, hoặc là hươu, theo như những mẫu đã gặp ở mặt trồng hoặc là cá nữa. Chẳng những trồng Ngọc lữ, mà các trồng Hoàng hạ, Moulié, Nelson, Bosc, đều có vành thuyền này. Thuyền của trồng Moulié có lẽ đã được kiểu thức hóa nhất và của trồng Ngọc lữ còn giữ được vẻ tự nhiên hơn hết. Sau đây xin tả một cảnh thuyền của trồng Ngọc lữ.

Thuyền dài, hai đầu cong lên. Đầu mũi thuyền được trang điểm phức tạp, nhìn chung giống như đầu chim. Đàng lái lại được trang điểm như đuôi chim. Đàng mũi cũng như đàng lái, người ta nhận thấy có vòng tròn kép ở giữa có chằm. Đôi khi, hình tròn kép có chằm như vậy còn thấy ở cột trụ giữa thuyền, nhưng đây không phải bao giờ cũng thế, vì ở cột trụ của nhiều cảnh thuyền, thay vì vòng tròn kép, có thể gặp những vòng bầu dục kép. Nhưng về vòng tròn đơn có chằm ở giữa, người ta thấy được nhan nhãn, nào là trên má chiến sĩ, đôi khi một mũi hai ba cái, nào là trên cột trụ của cái sàn, nào là đầu mút khi giới. Những vòng tròn có chằm đó, điểm thêm một tua

lông chim, phất phới trên thuyền theo chiều gió, la liệt chẳng khác gì cờ xí của một đám rước.

Thuyền gán lái, có một cái sà, và quảng giữa sà nẩy với mũi thuyền, có một cột trụ. Sà nhìn ngang thấy hai cột cao, có diềm vòng tròn (có chằm) và một tua lông như vừa nói. Sà làm bằng một lớp dày ngoài bờ có trang trí bằng vòng tròn có chằm và có tiếp tuyến chéo. Dưới sà người ta đặt một chiếc trống và một cái bình, đôi thuyền ở đây chỉ thấy một chiếc trống mà thôi. Trên sà có một chiến sĩ cầm cung quay mặt về phía lái. Ở trống Hoàng hạ, người cầm cung nầy còn để sẵn một mũi tên to tướng trên cung và lưng còn đeo rõ một chiếc thuẫn trên đó có trang diềm bằng vòng tròn có chằm và có tiếp tuyến chéo. Cũng nên lưu ý nữa rằng hướng bắn của các chiến sĩ đó không nhất định, khi thì bắn về đàng lái, nhưng cũng có khi bắn về đàng mũi, và chiến sĩ không có đội mũ lông như các đồng bạn ở trong thuyền hay như ở vành sinh hoạt của mặt trống.

Cột trụ gồm hai cọc ngang ngược, trên đó có đặt một vật hình lục lăng, ở giữa hình lục lăng lại có vẽ vòng tròn có chằm hoặc là vòng bầu dục kép không có chằm. Trên vật lục lăng, có hai cái lông lớn và một cái cán chổng lên trời, cán nầy đầu mút lại có hình tròn có chằm và có một tua lông. Ở trống Hoàng hạ, không thấy hai cái lông lớn mà chỉ thấy có cái cán. Trụ nầy có kẻ cho là cột buồm, nhưng như thể xem ra thật lý, vì cột buồm sao lại có vật đa giác kia đặt ở trên và hơn nữa có một người đang cầm dùi đánh vào vật đó. Đàng khác, như đã ghi nhận trên, ở vĩa hè nơi ngôi nhà của cảnh bên của vành sinh hoạt, chúng ta đã thấy một cột trụ trên đó có đặt một vật tương tự, rõ nhất là ở trống Hoàng hạ, và cũng có người đang đánh vào. Mà vĩa hè nầy, hỏi ai

có thể nghĩ rằng đó là cột buồm? Vậy có lẽ đó cũng chỉ là một cảnh đánh trống đồng.

Về người trên thuyền, nếu kể cả chiến sĩ trên sà nữa, thì tất cả có khi là bốn người. Nhưng sự thực số đó không nhất định. Ở trống Ngọc lữ có thuyền chèo đên sáu người, trống Hoàng hạ thì khi năm người, khi nhiều hơn, còn trống Nelson chẳng hạn lại đên được 13 người kia. Dầu ít, dầu nhiều những người trên các thuyền của hồng trống đồng đều là chiến sĩ tỏ ra đang hăng hái xông pha, hầu như ai nầy cũng đều đảm nhiệm một công việc tích cực.

Người cầm lái, khi đứng, khi ngồi, đang nắm chặt hướng đi của chiếc. Trong thuyền trường hợp của hình 13 ông đang đội một chiếc mũ đặc biệt, trên đó đên được năm vòng tròn có chằm. Cây chèo của ông đang cong lại dường như chiếc thuyền đang đi mạnh, Đầu mút chèo cũng có diềm một tua lông trong đó có vòng tròn có chằm. Cách trang diềm chèo lái như vậy chỉ thấy ở trống Ngọc lữ, chứ không có ở các trống khác. Giữa người lái và cái sà, chúng ta nhận được một con vật tương tự như con chó. Vật đó chỉ có trong một cảnh thuyền của trống Ngọc lữ.

Cũng ở cảnh vừa nói giữa sà và cột trụ, một chiến sĩ đang đứng với hai tay bện ròn. Tay trái của ông đang đánh vào cái vật đa giác đặt trên trụ (cái trống), còn tay mặt đang cầm một vật gì, chừng như một thứ khí giới lớn. Mũ ông đội cũng diềm một tua lông trong đó có hai cái lông to và một cái cán đầu mút có lông và có vòng tròn có chằm.

Mình ông ở trán, có đóng khò đại lẽ. Nhưng khoảng giữa sà và cột trụ, đôi khi thấy có hai người. Trong trường hợp nầy, một người có tất

cả các điệu bộ của con người vừa được tả, còn người kia, ở về phía sàn, đầu đội mũ giông như người trước, tay trái cầm một cái gì được trang điểm bằng lông và đầu mút có hình trái ú, có chằm ở giữa, chắc là cái thuẫn, tay phải thì cầm một cái lao. Ở trong Hoàng hạ, trong quảng này, khi thì thấy một người, khi thì thấy hai. Những người đó có khi đứng, có khi ngồi, không nhất định.

Quảng giữa cột trụ và mũi thuyền, cũng có một hoặc hai người. Người ở gần mũi, thường là ngồi, đầu đội mũ lông chiến sĩ, tay cầm một chiếc rìu lệch cạnh giờ lưỡi ra đằng trước. Người kia, nếu có, thì tay trái cầm một cái gì giông như cái thuẫn, nhưng phía dưới lại có mũi nhọn giông như mũi lao, tay phải cầm cái gì không rõ. Ở trong Hoàng hạ, cả hai người đều đứng, người ở phía mũi lại có bộ điệu và cầm đồ giông như người đứng vừa tả của trong Ngọc lữ, còn người ở gần cột trụ lại một tay cầm một cái lao giông như của người kia, nhưng đầu mút trên lại điểm bằng vòng tròn có chằm mà không có tua lông, tay kia cầm một cái gì giông như khi giới. Nên đề ý điều này, là ở đằng mũi thuyền, thấy có lời xuồng một chiếc chèo mũi, nhưng không thấy ai điều khiển, có lẽ chiến sĩ ngồi gần đó đang điều khiển bằng chân.

Như đã nói qua ở trên, giữa hai cảnh thuyền, nhất là ở trong Bosc, hay có hình hươu, cá, chim. Sự cá đi đôi với thuyền, kể ra không lạ gì. Về chim cũng có thể hiểu được, vì chim đây là loài cò, loại sếu, thường tìm cá ăn ở dưới nước. Nhưng sao lại có hươu ở đây? Sự hiện diện của giữa hai cảnh thuyền cho phép chúng ta nghĩ rằng, những hình vẽ này có lẽ chỉ là để tô điểm những chỗ trong các cảnh thuyền còn chưa lại mà thôi. Chỉ nên chú ý đến hình hươu cách riêng, vì ở đây hươu

xem ra tự nhiên hơn những con thầy được ở vành ba trên mặt trong Ngọc lữ.

Ở phần giữa của thùng trong cũng có hình vẽ nhưng đầu là hình người, đầu là kiểu thức hình học, tất cả chỉ là lặp lại những gì đã gặp được ở mặt trong hay ở hình thuyền, nên thiết tưởng không cần phải tả thêm.

5) Kết luận về sự kiện của nền văn minh Đông sơn.

Đây mới chỉ là sự kiện về nền văn minh Đông sơn, nghĩa là những gì cụ thể người ta đã gặp được hay là đã thấy được về những di tích khai quật ngay ở trạm Đông sơn, hoặc là những di tích thuộc về cùng một nền văn minh đó. Nói rằng đây chỉ mới là sự kiện, nghĩa là nêu lên rằng đây chưa có giải thích ý nghĩa, mà di tích thường quan trọng ở chỗ giải thích. Dầu vậy, qua các sự kiện chúng tôi vừa mô tả, chúng ta ai cũng đã thấy được tầm kiến thức cổ học những sự kiện như thế có thể đem lại cho. Không cần phải tìm hiểu sâu xa, ngay bây giờ chúng ta cũng đã nhận được rằng chủ nhân của văn minh Đông sơn đã có một trình độ nghệ thuật điêu luyện và rộng rãi. Họ đã hình dung được con thuyền đang bơi nhanh, con người đang hoạt động mạnh, chim đang bay, cá đang lội, và hươu với bộ sừng dài, và cá sấu khi nằm khi đi, và cả chó nữa. Và những nét vẽ tề nhị đó, không phải là chỉ vẽ vào giấy, mà diễn ra trên mặt đồng. Rồi những kiểu thức hình học kia cũng không phải là không mỹ thuật. Người

thợ Đông sơn đã biết được nhiều mẫu đề trang trí đồ vật của họ. Hơn nữa, họ còn đi đến chỗ kiểu thức hóa, và nhiều khi họ đi rất xa, những cảnh hoạt động của người và vật họ thấy được chung quanh họ. Sự kiện này để lộ ra một sự tiến bộ nghệ thuật trải qua một thời gian khá dài.

Nhưng đồng thời, chúng ta cũng không khỏi ghi nhận rằng, nếu người Đông sơn (chỉ về cả nền văn minh Đông sơn) đã cao bay xa chạy về mặt nghệ thuật, họ có thể còn rất bán khai về mặt phong hóa. họ còn ở truồng, họ chỉ mới biết đóng khố, chỉ có cái mũ của họ là vĩ đại. Phải chăng họ là điển hình cho hiện tượng những dân «mình ở lỗ cổ đeo hoa»? Hiện tượng đó, thiết tưởng không lạ gì đối với một giống người như người thuộc văn minh Đông sơn, vì ngày nay vẫn còn gặp được những thứ người như thế.

Những kiến thức tổng quát này sẽ được đào sâu trong phần sau về ý nghĩa của văn minh Đông sơn.

CHÚ THÍCH

1. George Coedes, « Archéologie au Viet nam d'après les travaux de l'École Française d'Extrême Orient » **France-Asie**, 149-150, tháng 10-11, 1958, trang 316-319.

2. Các trống đồng lớn sẽ được nói tới rõ hơn trong một đoạn sau.

3. Franz Heger, **Alte Metalltrommeln aus Südost Asien**, Leipzig, K.W. Hiesemann, 1902.

4. Henri Parmentier, « Anciens Tambours de Bronze », **BEFEO**, XVIII, trang 1-28.

« Notes d'Archéologie Indochinoise, IX. Nouveaux Tambours de Bronze », **BEFEO**, XXXII, trang 171-182.

5. Paul Lévy, « À la Mémoire de Victor Goloubew: Origine de la Forme des Tambours de Bronze du type I », **Dân Việt nam (Le Peuple Vietnamien)**, số 2, tháng 12-1948, trang 17-23.

6. Victor Goloubew, « le Tambour métallique de Hoàng hạ », **BEFEO**, XI, trang 383-396.

7. Victor Goloubew, « L'Age du Bronze au Tonkin et dans le Nord-Annam », **BEFEO**, XXIX, trang 1-46.

8. Trống này đã được H. Parmentier tả lại tỉ mỉ trong bài: « Anciens Tambours de Bronze ».

9. Nguyễn Phương, « Tiền sử và Lịch sử Lạc Việt » **Đại học**, số 38, tháng 4, 1964, trang 255-290.